

TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐẾN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG HẢI DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

NGUYỄN THỊ THANH HUỆ

Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Hưng Yên
Hung Yen University of Technology and Education
Email: thanhhue.ute@gmail.com

Ngày nhận bài: 15/8/2026

Ngày sửa bài: 5/9/2026

Ngày duyệt đăng bài: 16/9/2026

Tóm tắt:

Nghiên cứu phân tích tác động của chuyển đổi số đến công tác kế toán tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn phường Hải Dương, Thành phố Hải Phòng, qua đó xác định các nhân tố ảnh hưởng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kế toán trong bối cảnh chuyển đổi số. Kết quả cho thấy, công tác kế toán còn hạn chế về tốc độ xử lý, tính kịp thời, độ chính xác, khả năng tích hợp dữ liệu và chất lượng thông tin phục vụ quản trị. Trong 5 nhân tố gồm mức độ chuyển đổi số trong kế toán, trình độ và kỹ năng nhân viên kế toán, sự hỗ trợ của lãnh đạo, hạ tầng công nghệ thông tin và áp lực cạnh tranh đều tác động cùng chiều, có ý nghĩa thống kê đến công tác kế toán; trong đó trình độ và kỹ năng nhân viên kế toán có tác động mạnh nhất. Nghiên cứu góp phần bổ sung bằng chứng thực tiễn và đề xuất định hướng nâng cao năng lực số, hoàn thiện hạ tầng và thúc đẩy chuyển đổi số trong công tác kế toán tại doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Từ khóa: chuyển đổi số, công tác kế toán, doanh nghiệp vừa và nhỏ, hạ tầng công nghệ thông tin, Hải Phòng

The impact of digital transformation on accounting practices in small and medium-sized enterprises in Hai Duong Ward, Hai Phong City

Abstract:

This study examines the impact of digital transformation on accounting practices in small and medium-sized enterprises in Hai Duong Ward, Hai Phong City, thereby identifying influencing factors and proposing solutions to improve accounting effectiveness in the context of digital transformation. The findings indicate that accounting practices continue to face limitations in processing speed, timeliness, accuracy, data integration, and the quality of information used for management. Five factors, including: the level of digital transformation in accounting, accountants' qualifications and skills, management support, information technology infrastructure, and competitive pressure, have statistically significant positive effects on accounting practices. Among these factors, accountants' qualifications and skills exert the strongest influence. The study provides additional practical evidence and proposes directions for strengthening digital capabilities, improving technological infrastructure, and accelerating digital transformation in accounting among SMEs.

Keywords: digital transformation, accounting practices, small and medium-sized enterprises, information technology infrastructure, Hai Phong

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số đang trở thành một yêu cầu quan trọng đối với hoạt động quản trị doanh nghiệp, đặc biệt trong môi trường kinh doanh có tốc độ xử lý dữ liệu ngày càng cao. Đối với kế toán, chuyển đổi số không chỉ là sử dụng phần mềm kế toán mà còn bao gồm số hóa chứng từ, hóa đơn điện tử, tự động hóa nghiệp vụ, kết nối dữ liệu và khai thác thông tin phục vụ quản trị.

Phường Hải Dương (thành phố Hải Phòng) là địa bàn có hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ tương đối đa dạng. Theo số liệu UBND phường công bố tại hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm 2026, trên địa bàn có hơn 1.672 doanh nghiệp và 1.429 hộ kinh doanh; số doanh nghiệp thành lập mới và chuyển đổi trong 6 tháng ước đạt 72 doanh nghiệp. Thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm ước đạt 428,5 tỷ đồng, bằng 121% chỉ tiêu năm; thu ngân sách phường ước đạt 274,4 tỷ đồng, đạt 111% kế hoạch thành phố giao.

Trong bối cảnh đó, nhu cầu sử dụng các công cụ số trong kế toán, quản lý hóa đơn, chứng từ, dòng tiền và báo cáo quản trị có xu hướng tăng. Cổng thông tin phường cũng có chuyên mục riêng về chuyển đổi số và đã triển khai các hoạt động liên quan đến kỹ năng số, AI, công nghệ thông tin và hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh tiếp cận nền tảng số.

Vì vậy, nghiên cứu về chuyển đổi số trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn phường Hải Dương có ý nghĩa thực tiễn. Tuy nhiên, các kết luận định lượng về mức độ tác động của từng nhân tố cần được xác định từ một bộ dữ liệu khảo sát riêng của địa bàn nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu là tác động của chuyển đổi số đến công tác kế toán tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn nghiên cứu. Thời gian nghiên cứu được thực hiện trong giai đoạn từ tháng 4/2025 đến tháng 3/2026.

2. Cơ sở lý luận về chuyển đổi số trong công tác kế toán

2.1. Chuyển đổi số trong công tác kế toán

Chuyển đổi số trong công tác kế toán được hiểu là quá trình ứng dụng các công nghệ số vào hoạt động thu thập, xử lý, lưu trữ, kiểm soát và cung cấp thông tin kế toán. Quá trình này giúp chuyển đổi phương thức kế toán truyền thống sang phương thức xử lý dữ liệu dựa trên nền tảng công nghệ, qua đó nâng cao tốc độ xử lý, tính chính xác, khả năng kết nối và chất lượng thông tin.

Chuyển đổi số có thể được triển khai ở nhiều cấp độ, từ sử dụng phần mềm kế toán, hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử đến tự động hóa các nghiệp vụ, kết nối dữ liệu giữa kế toán với bán hàng, kho, mua hàng, sản xuất và ngân hàng. Ở mức độ cao hơn, doanh nghiệp có thể sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn để hỗ trợ dự báo và ra quyết định.

2.2. Các cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu sử dụng kết hợp một số cơ sở lý thuyết để giải thích tác động của chuyển đổi số đến công tác kế toán, gồm lý thuyết TOE, lý thuyết nguồn lực (RBV), lý thuyết áp lực cạnh tranh và lý thuyết chất lượng thông tin kế toán.

Lý thuyết TOE nhấn mạnh 3 nhóm yếu tố công nghệ, tổ chức và môi trường có ảnh hưởng đến quá trình ứng dụng công nghệ của doanh nghiệp. Lý thuyết nguồn lực cho thấy, nguồn lực bên trong, đặc biệt là nguồn nhân lực và năng lực công nghệ, có vai trò quan trọng đối với khả năng tạo ra lợi thế của doanh nghiệp. Lý thuyết áp lực cạnh tranh giải thích việc doanh nghiệp phải đổi mới để thích ứng với yêu cầu của thị trường và đối thủ cạnh tranh. Trong khi đó, lý thuyết chất lượng thông tin kế toán nhấn mạnh các thuộc tính như tính chính xác, kịp thời, đầy đủ và hữu ích của thông tin kế toán.

Từ các cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu trước, nghiên cứu đề xuất 5 nhân tố tác động đến công tác kế toán gồm: mức độ chuyển đổi số trong kế toán (MDCD), trình độ và kỹ năng nhân viên kế toán (NLKT), sự hỗ trợ của lãnh đạo (SHT), hạ tầng công nghệ thông tin (HTCN) và áp lực cạnh tranh (ALCT).

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng kết hợp phương pháp định tính và định lượng. Phương pháp định tính được sử dụng để hệ thống hóa cơ sở lý luận, tham khảo các nghiên cứu trước và xây dựng mô hình nghiên cứu, thang đo và bảng hỏi. Phương pháp định lượng được sử dụng để thu thập và phân tích dữ liệu khảo sát từ các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Dữ liệu được thu thập thông qua bảng câu hỏi sử dụng thang đo Likert 5 mức độ. Sau quá trình khảo sát, có 178 phiếu hợp lệ được sử dụng cho phân tích. Mẫu khảo sát tương đối đa dạng về vị trí công việc, lĩnh vực hoạt động và quy mô doanh nghiệp. Trong đó, nhân viên kế toán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong số người cung cấp thông tin khảo sát, giúp phản ánh tương đối trực tiếp thực trạng công tác kế toán tại doanh nghiệp.

Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS thông qua các bước:

- Kiểm định độ tin cậy của thang đo bằng Cronbach's Alpha;
- Phân tích nhân tố khám phá EFA;
- Phân tích tương quan Pearson;
- Phân tích hồi quy tuyến tính;
- Kiểm định các giả thuyết nghiên cứu.

Kết quả Cronbach's Alpha cho thấy các thang đo đều đạt yêu cầu về độ tin cậy. Hệ số Cronbach's Alpha của các thang đo dao động từ 0,817 đến 0,898; hệ số tương quan biến - tổng của các biến quan sát đều đạt ngưỡng chấp nhận.

Kết quả EFA đối với biến phụ thuộc cho thấy KMO = 0,878, kiểm định Bartlett có Sig. = 0,000; các biến quan sát có hệ số tải nhân tố từ 0,814 đến 0,899. Nhân tố được trích có Eigenvalue = 3,553 và tổng phương sai trích đạt 71,067%.

Đối với các biến độc lập, KMO = 0,784, kiểm định Bartlett có Sig. = 0,000 và tổng phương sai trích đạt 61,857%. Các biến quan sát có hệ số tải nhân tố đáp ứng yêu cầu, tạo cơ sở cho bước phân tích hồi quy.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng công tác kế toán

Kết quả khảo sát cho thấy, hiệu quả công tác kế toán tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ đạt mức trung bình khá, với giá trị trung bình của thang đo công tác kế toán khoảng 3,216/5.

Xét theo các khía cạnh, độ chính xác của thông tin tài chính có giá trị trung bình cao nhất, đạt khoảng 3,25; khả năng hỗ trợ ra quyết định đạt 3,22; tốc độ xử lý thông tin đạt 3,21. Chất lượng báo cáo kế toán và khả năng giảm chi phí, sai sót đều đạt khoảng 3,20.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy những hạn chế đáng chú ý. Khoảng 74% người được khảo sát cho biết doanh nghiệp vẫn gặp tình trạng chậm trễ ở một mức độ nhất định trong quá trình lập báo cáo. Khoảng 77% cho biết có tình trạng tồn đọng hoặc xử lý chậm khi số lượng giao dịch tăng cao. Bên cạnh đó, khoảng 74% gặp khó khăn hoặc mất nhiều thời gian trong việc tổng hợp dữ liệu giữa các bộ phận.

Về độ chính xác, khoảng 74% doanh nghiệp vẫn phát hiện sai lệch dữ liệu trước khi lập báo cáo;

khoảng 77% có thực hiện điều chỉnh dữ liệu sau khi báo cáo được lập và khoảng 74% phát hiện sự không thống nhất dữ liệu giữa các bộ phận hoặc giữa các sổ kế toán. Điều này cho thấy việc ứng dụng công nghệ đã được triển khai nhưng chưa loại bỏ hoàn toàn các khâu xử lý thủ công và đối chiếu dữ liệu.

Đối với tính kịp thời, khoảng 72% ý kiến chỉ ra thông tin phục vụ quản trị chưa thể được cung cấp ngay mà vẫn cần xử lý trước khi sử dụng. Khoảng 57% tốc độ cập nhật dữ liệu còn chậm và khoảng 74% doanh nghiệp phải bổ sung dữ liệu vào cuối kỳ hoặc trước thời điểm lập báo cáo.

4.2. Thực trạng mức độ chuyển đổi số

Mức độ chuyển đổi số trong công tác kế toán có giá trị trung bình khoảng 3,28/5. Trong đó, việc sử dụng phần mềm kế toán và mức độ tự động hóa đều đạt khoảng 3,41/5. Tuy nhiên, việc ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn còn tương đối thấp, với giá trị trung bình khoảng 2,97/5.

Kết quả này cho thấy chuyển đổi số trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ chủ yếu mới tập trung vào số hóa và tự động hóa những nghiệp vụ cơ bản. Việc khai thác dữ liệu để phân tích, dự báo và hỗ trợ ra quyết định vẫn chưa được triển khai tương xứng.

4.3. Trình độ và kỹ năng nhân viên kế toán

Trình độ và kỹ năng nhân viên kế toán có giá trị trung bình khoảng 3,162/5. Khả năng sử dụng công cụ phân tích và quản lý dữ liệu đạt khoảng 3,24; khả năng sử dụng phần mềm và công nghệ đạt 3,23; khả năng thích ứng và đào tạo đạt 3,15.

Trong khi đó, mức độ sẵn sàng thay đổi chỉ đạt khoảng 3,04. Điều này cho thấy nhân viên kế toán đã có khả năng sử dụng những công cụ công nghệ phổ biến nhưng vẫn cần được tăng cường kỹ năng phân tích dữ liệu, khả năng thích ứng với công nghệ mới và tư duy chuyển đổi số.

4.4. Hạ tầng công nghệ thông tin

Hạ tầng công nghệ thông tin có giá trị trung bình khoảng 3,202/5. Mức độ phù hợp của phần mềm đạt 3,33; cơ sở vật chất và thiết bị đạt 3,26; hệ thống Internet đạt 3,25.

Tuy nhiên, tiêu chí bảo mật và bảo vệ dữ liệu chỉ đạt khoảng 2,90. Đây là vấn đề cần được doanh nghiệp quan tâm vì quá trình số hóa ngày càng làm gia tăng lượng dữ liệu tài chính được lưu trữ và trao đổi trên môi trường điện tử.

4.5. Sự hỗ trợ của lãnh đạo

Sự hỗ trợ của lãnh đạo có giá trị trung bình khoảng 3,268/5. Mức độ khuyến khích chuyển đổi số của lãnh đạo đạt 3,32; mức độ tham gia của lãnh đạo vào chiến lược chuyển đổi số đạt 3,30; khả năng tạo môi trường hỗ trợ đạt 3,19.

Kết quả cho thấy vai trò của lãnh đạo có ảnh hưởng đáng kể đến quá trình chuyển đổi số. Khi lãnh đạo nhận thức rõ lợi ích của công nghệ và chủ động phân bổ nguồn lực, doanh nghiệp có điều kiện thuận lợi hơn để triển khai các giải pháp số hóa.

4.6. Kết quả phân tích hồi quy

Kết quả hồi quy cho thấy, mô hình có mức độ phù hợp tương đối tốt với $R = 0,711$; $R^2 = 0,506$ và R^2 hiệu chỉnh = 0,491. Giá trị $F = 33,978$ với $\text{Sig.} = 0,000$ cho thấy mô hình hồi quy có ý nghĩa thống kê. Durbin-Watson đạt 2,135, cho thấy không có dấu hiệu đáng kể của tự tương quan phần dư.

Kết quả kiểm định cho thấy cả 5 nhân tố đều có tác động cùng chiều đến công tác kế toán và có ý nghĩa thống kê. Hệ số Beta chuẩn hóa lần lượt là:

Nhân tố	Beta chuẩn hóa	Mức ý nghĩa
Trình độ và kỹ năng nhân viên kế toán (NLKT)	0,292	< 0,05
Hạ tầng công nghệ thông tin (HTCN)	0,277	< 0,05
Sự hỗ trợ của lãnh đạo (SHT)	0,241	< 0,05
Mức độ chuyển đổi số (MDCD)	0,204	< 0,05
Áp lực cạnh tranh (ALCT)	0,152	< 0,05

Như vậy, cả 5 giả thuyết nghiên cứu đều được chấp nhận. Kết quả cho thấy trình độ và kỹ năng của nhân viên kế toán có hệ số Beta cao nhất, tiếp đến là hạ tầng công nghệ thông tin, sự hỗ trợ của lãnh đạo, mức độ chuyển đổi số và áp lực cạnh tranh.

5. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán thông qua chuyển đổi số

5.1. Nâng cao trình độ và kỹ năng số của nhân viên kế toán

Do trình độ và kỹ năng nhân viên kế toán là nhân tố có mức độ tác động lớn nhất đến công tác kế toán, doanh nghiệp cần ưu tiên đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

Nội dung đào tạo cần chuyển từ việc chỉ hướng dẫn sử dụng phần mềm sang phát triển năng lực tổng hợp gồm: sử dụng phần mềm kế toán, quản lý dữ liệu, phân tích dữ liệu, khai thác báo cáo quản trị, bảo mật thông tin và khả năng thích ứng với công nghệ mới.

Doanh nghiệp có thể kết hợp đào tạo tập trung với đào tạo trực tiếp tại nơi làm việc, xây dựng các chương trình đào tạo ngắn hạn theo từng nghiệp vụ và khuyến khích nhân viên chủ động cập nhật kiến thức công nghệ.

5.2. Đầu tư và hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin

Doanh nghiệp cần từng bước nâng cấp máy tính, hệ thống mạng, phần mềm kế toán và các nền tảng lưu trữ dữ liệu. Đối với doanh nghiệp có điều kiện, cần hướng tới hệ thống có khả năng kết nối dữ liệu giữa kế toán, bán hàng, kho, mua hàng, ngân hàng và các bộ phận quản trị.

Đồng thời, cần đặc biệt chú trọng đến bảo mật dữ liệu. Các biện pháp như phân quyền truy cập, sao lưu dữ liệu, mã hóa thông tin, kiểm soát nhật ký truy cập và xây dựng phương án phục hồi dữ liệu cần được triển khai phù hợp với quy mô doanh nghiệp.

5.3. Tăng cường vai trò của lãnh đạo

Lãnh đạo doanh nghiệp cần xem chuyển đổi số là một nội dung trong chiến lược phát triển thay vì chỉ là hoạt động đầu tư công nghệ đơn thuần.

Doanh nghiệp cần xây dựng lộ trình chuyển đổi số theo từng giai đoạn, xác định mục tiêu, ngân sách, nhân sự chịu trách nhiệm và tiêu chí đánh giá kết quả. Việc đầu tư cần dựa trên nhu cầu thực tế và hiệu quả mang lại, tránh đầu tư công nghệ vượt quá khả năng khai thác của doanh nghiệp.

5.4. Xây dựng lộ trình chuyển đổi số phù hợp

Đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ, chuyển đổi số nên được thực hiện theo lộ trình từ thấp đến cao:

Số hóa → Tự động hóa → Tích hợp → Phân tích dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định.

Ở giai đoạn đầu, doanh nghiệp tập trung số hóa chứng từ và dữ liệu kế toán. Tiếp theo, tự động hóa những nghiệp vụ có tính lặp lại. Khi hệ thống đã ổn định, doanh nghiệp tích hợp dữ liệu giữa các phòng

ban. Giai đoạn cao hơn là khai thác dữ liệu để phân tích, dự báo và hỗ trợ quyết định quản trị.

Việc ứng dụng AI và Big Data nên được triển khai từng bước, phù hợp với nguồn lực và mức độ sẵn sàng của từng doanh nghiệp.

5.5. Khai thác áp lực cạnh tranh như động lực chuyển đổi số

Áp lực cạnh tranh tuy có mức độ tác động thấp hơn các nhân tố còn lại nhưng vẫn có ý nghĩa thống kê. Doanh nghiệp có thể chuyển yêu cầu cạnh tranh thành các mục tiêu cụ thể đối với công tác kế toán như rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao độ chính xác, cung cấp thông tin kịp thời và tăng khả năng phản ứng trước biến động thị trường.

Thông tin kế toán cần được chuyển từ vai trò ghi nhận các nghiệp vụ đã phát sinh sang hỗ trợ nhà quản trị theo dõi tình hình và đưa ra quyết định.

6. Kết luận

Nghiên cứu đã phân tích tác động của chuyển đổi số đến công tác kế toán tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn phường Hải Dương, Thành phố Hải Phòng dựa trên dữ liệu từ 178 phiếu khảo sát hợp lệ. Kết quả cho thấy công tác kế toán đã có những chuyển biến nhất định nhờ ứng dụng công nghệ, nhưng vẫn tồn tại các hạn chế về tốc độ xử lý, tính kịp thời, khả năng tích hợp dữ liệu, bảo mật và khai thác thông tin phục vụ quản trị.

Kết quả hồi quy xác định 5 nhân tố có tác động cùng chiều và có ý nghĩa thống kê đến công tác kế toán gồm: trình độ và kỹ năng nhân viên kế toán, hạ tầng công nghệ thông tin, sự hỗ trợ của lãnh đạo, mức độ chuyển đổi số và áp lực cạnh tranh. Trong đó, trình độ và kỹ năng nhân viên kế toán có hệ số tác động lớn nhất, cho thấy yếu tố con người vẫn giữ vai trò quan trọng trong quá trình chuyển đổi số.

Từ kết quả nghiên cứu, doanh nghiệp cần triển khai chuyển đổi số theo hướng đồng bộ giữa con người, công nghệ và tổ chức. Đặc biệt, cần chú trọng đào tạo nhân viên kế toán, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, tăng cường bảo mật dữ liệu, nâng cao vai trò của lãnh đạo và xây dựng lộ trình chuyển đổi số phù hợp với nguồn lực.

Việc chuyển đổi từ số hóa nghiệp vụ kế toán sang tự động hóa, tích hợp dữ liệu và phân tích dữ liệu sẽ tạo điều kiện để công tác kế toán không chỉ thực hiện chức năng ghi nhận và cung cấp thông tin mà còn đóng vai trò tích cực hơn trong quản trị và hỗ trợ ra quyết định của doanh nghiệp ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc. (2008). Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS. NXB Hồng Đức.
- Nguyễn Đình Thọ. (2013). Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh. NXB Lao động - Xã hội.
- UBND phường Hải Dương. (2026). Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 05/01/2026 về chuyển đổi số phường Hải Dương năm 2026.
- UBND phường Hải Dương. (2026). Phường Hải Dương làm việc với Thống kê Thành phố Hải Phòng về các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội.
- UBND phường Hải Dương. (2026). Phường Hải Dương sơ kết công tác 6 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026.
- Barney, J. (1991), Firm Resources and Sustained Competitive Advantage, Journal of Management, 17(1), 99-120.
- Tornatzky, L. G. & Fleischer, M. (1990). The Processes of Technological Innovation, Lexington Books.